

Số: /BC-UBND

Đức Phổ, ngày tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá thực hiện Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 936/UBND-KTN ngày 26/02/2024; Công văn số 817/SNNPTNT-CNTY ngày 04/3/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về đánh giá việc thực hiện Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính về quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; trên cơ sở đề xuất của Phòng Kinh tế tại Công văn số 88/PKT ngày 07/3/2024, UBND thị xã báo cáo đánh giá kết quả thực hiện như sau:

I. Tổ chức đánh giá toàn diện việc thi hành Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 tại địa phương; kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc, từng khâu trong quá trình thực hiện Thông tư

1. Thuận lợi:

Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định rõ ràng, niêm yết giá công khai về khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật theo quy định của pháp luật.

2. Khó khăn, vướng mắc:

Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, giá dịch vụ còn thấp, chưa tương xứng với giá trị, ngày công lao động phổ thông, công kỹ thuật và dịch vụ tại địa phương. Vì vậy, việc thu hút và huy động lực lượng cùng tham gia làm dịch vụ kỹ thuật công gặp rất nhiều khó khăn, đội ngũ kỹ thuật không có động lực để tham gia làm dịch vụ công.

II. Đề xuất cụ thể các nội dung về dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; khung giá cho từng hạng mục, ...

Đề xuất Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật, cụ thể: (Có Phụ lục I, phụ lục II kèm theo).

Trên đây là ý kiến đánh giá việc thực hiện Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính. Kính gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- CT, PCT UBND thị xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Sang

Phụ lục 1:
BIỂU KHUNG GIÁ DỊCH VỤ TIÊM PHÒNG, TIÊU ĐỘC, KHỬ TRÙNG
CHO ĐỘNG VẬT

(Kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khung giá (đồng)	Đề xuất của cấp huyện
I	Tiêm phòng cho động vật			
1	Tiêm phòng trâu, bò, ngựa			
	- Mũi đầu	Lần/con	4.400 - 4.800	10.000 - 12.000
	- Từ mũi thứ 2	Lần/con	1.700 - 1.900	5.000 - 6.000
2	Tiêm phòng lợn, dê, cừu			
	- Mũi đầu	Lần/con	2.600 - 2.900	5.000 - 6.000
	- Từ mũi thứ 2	Lần/con	1.700 - 1.900	2.500 - 3.000
3	Tiêm phòng chó, mèo	Lần/con	5.300 - 5.900	40.000 - 50.000
4	Tiêm phòng gia cầm	Lần/con	300 - 350	400 - 500
II	Tiêu độc, khử trùng cho động vật			
1	Xe ô tô	Lần/cái	40.000 - 44.000	
2	Máy bay	Lần/cái	450.000 - 495.000	
3	Toa tàu, xe lửa	Lần/cái	68.000 - 75.000	
4	Các loại xe khác	Lần/cái	10.000 - 11.000	
5	Sân, bến bãi, khu cách ly kiểm dịch, cơ sở chăn nuôi, cơ sở sản xuất con giống, ấp trứng, cơ sở giết mổ động vật, chế biến sản phẩm động vật, cơ sở kinh doanh động vật, sản phẩm động vật, chợ mua bán sản phẩm động vật	m ²	550 - 600	

Ghi chú:

- Mục I “Tiêm phòng cho động vật”: Chưa tính tiền vắc xin;
- Mục II “Tiêu độc, khử trùng cho động vật”: Chưa tính tiền hóa chất.
- Khung giá là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Phụ lục 2

BIỂU KHUNG GIÁ DỊCH VỤ CHẨN ĐOÁN THÚ Y

(Kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính)

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Khung giá (đồng)	Đề xuất của cấp huyện
I	Động vật trên cạn			
1	Tư vấn xét nghiệm	Lần	45.500 - 50.000	
2	Lấy mẫu			
2.1	Lấy mẫu máu trâu bò	Mẫu	28.000 - 30.800	
2.2	Lấy mẫu máu tiểu gia súc	Mẫu	17.000 - 18.700	

	(lợn, chó, mèo, thỏ ...)			
2.3	Lấy mẫu máu gia cầm	Mẫu	4.300 - 4.700	
2.4	Lấy mẫu khác (swab, phân ...)	Mẫu	7.300 - 8.000	
3	Chẩn đoán bệnh lý học			
3.1	Mô khám đại gia súc (thực địa)	Mẫu	208.000 - 228.000	
3.2	Mô khám một số bệnh truyền lây nguy hiểm (dại ...)	Mẫu	171.000 - 188.000	
3.3	Mô khám tiêu gia súc (lợn, chó, mèo, thỏ ...)	Mẫu	45.000 - 49.500	
3.4	Mô khám gia cầm	Mẫu	26.000 - 28.600	
3.5	Xét nghiệm vi thể bằng phương pháp Parafin	Mẫu	245.000 - 270.000	
